

Bản án số: 28/2021/DS-ST

Ngày: 09-8-2021

V/v “*Tranh chấp*”

*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

\* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân

\* *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Lâm Giang

2. Ông Giáp Hồng Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Văn Quang- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2021/QĐXXST-DS ngày 05/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2021/QĐST-DS ngày 26/7/2021 giữa các đương sự:

\* ***Nguyên đơn:*** Bà Thân Thị H, sinh năm 1959 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

*Nơi cư trú:* Thôn Châu Sơn, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

\* ***Đồng bị đơn:***

- *Chị Trương Thị B, sinh năm 1972 (vắng mặt)*

*Nơi cư trú:* Số nhà 48, phố Mới, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- *Anh Triệu Đức T, sinh năm 1970 (vắng mặt)*

*Nơi cư trú:* Số nhà 48, phố Mới, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 28/04/2021 và bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản H giải nguyên đơn bà Thân Thị H trình bày:

Ngày 14/12/2013 (tức ngày 12/11/2013 âm lịch), vợ chồng chị Trương Thị B và anh Triệu Đức T ở số nhà 48 Phố Mới thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang có vay của bà với số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn) với lãi suất là 1,7%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng theo Giấy

biên nhận vay tiền đề ngày 14/12/2013 dương lịch tức ngày 12/11/2013 âm lịch. Vợ chồng chị B T xin cam đoan là trả đúng như đã cam kết. Nếu sai vợ chồng chị chịu trách nhiệm trước pháp luật. Nhưng đến nay từ khi đến hạn trả nợ bà đã đòi nhiều lần thì vợ chồng chị B T mới trả được bà cụ thể:

- Ngày 24/12/2014 (dương lịch), chị B T trả bà tiền gốc 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng);

- Ngày 16/06/2015 (dương lịch) chị B T trả bà tiếp tiền gốc 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng);

- Ngày 17/ 07/2018 (dương lịch) chị B trả bà tiền gốc 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);

- Ngày 06/12/2019 (dương lịch) chị B trả bà tiền gốc 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)

- Ngày 10/ 08/2020 (dương lịch), chị B trả bà tiền gốc 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Tính đến tháng 05/2021 vợ chồng chị B mới trả được bà tổng số tiền gốc là 15.000.000 (Mười lăm triệu đồng). Số tiền gốc còn lại chưa trả bà là 85.000.000 đồng (Tám lăm triệu đồng).

Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu vợ chồng chị B, anh T trả bà số tiền gốc còn nợ là 85.000.000 đồng và bà không yêu cầu trả lãi.

Bà xác định chữ ký và chữ viết B và Trương Thị B tại mục người vay ký tên là chữ ký chữ viết của chị B. Khi hai bên viết giấy biên nhận vay tiền xong là bà trực tiếp giao số tiền vay cho chị B, lúc đó có mặt bà và vợ chồng chị B, anh T, ngoài ra không có ai khác. Chị B, anh T vay với mục đích để kinh doanh vàng bạc của gia đình. Số tiền bà cho chị B, anh T vay trên là tiền của cá nhân bà không liên quan gì đến chồng con. Đề nghị Tòa án không đưa chồng con bà vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay bà Thân Thị H có mặt đơn xin xét xử vắng mặt.

\* Tại các buổi làm việc tại Tòa án, Tòa án đã giao gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, thông báo H giải bị đơn chị Trương Thị B, anh Triệu Đức T đều vắng mặt và không có ý kiến gì về việc vay trả nợ.

Tại phiên tòa hôm nay chị Trương Thị B, anh Triệu Đức T vắng mặt.

\* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; Bị đơn chị B, anh T chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144, Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; Điều 474; Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị H; Buộc chị Trương Thị B, anh Triệu Đức T phải trả cho bà H số tiền gốc còn nợ là 85.000.000 đồng. Về lãi suất bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền: Vụ án Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa bà Thân Thị H và chị Trương Thị B, anh Triệu Đức T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn chị B, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Về quan hệ pháp luật: Bà Thân Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu chị B, anh T có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 85.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 14/12/2013 dương lịch và bà không yêu cầu trả lãi được xác định là quan hệ “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thân Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

\* Về nghĩa vụ trả tiền và số tiền phải trả: Tại giấy vay tiền đề ngày 14/12/2013 dương lịch, tức ngày 12/11/2013 âm lịch số tiền vay là 100.000.000 đồng, sau đó trong các ngày 24/12/2014 (dương lịch) chị B, anh T trả bà H tiền gốc 5.000.000 đồng; Ngày 16/06/2015 (dương lịch) chị B, anh T trả tiếp bà H tiền gốc 3.000.000 đồng; Ngày 17/ 07/2018 (dương lịch) chị B trả bà H tiền gốc 2.000.000 đồng; Ngày 06/12/2019 (dương lịch), chị B trả bà H tiền gốc 3.000.000 đồng; Ngày 10/ 08/2020 (dương lịch), chị B trả bà H tiền gốc 2.000.000 đồng. Tính đến tháng 05/2021 vợ chồng chị B, anh T trả được cho bà H tổng số tiền gốc là 15.000.000. Số tiền sau mỗi lần trả cụ thể đều được chị B ghi vào mặt sau của giấy biên nhận vay tiền và ký tên xác nhận.

Tại giấy biên nhận vay tiền đề ngày 14/12/2013 dương lịch bà H khẳng định chữ ký và chữ viết B và Trương Thị B tại mục người vay ký tên là chữ ký chữ viết của chị B. Tại các buổi làm việc và H giải của Tòa án thì chị B, anh T đều vắng mặt, không có ý kiến và cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ cho Tòa án để bảo vệ quyền lợi ích cho mình.

Mặt khác, bà H trình bày trong giấy biên nhận vay tiền trên chỉ có chị B ký tên mục người vay tiền nhưng tại thời điểm viết giấy và giao tiền thì đều có mặt vợ chồng chị B, anh T, anh chị vay tiền mục đích để kinh doanh vàng bạc

của gia đình. Bà H yêu cầu buộc chị B, anh T có trách nhiệm cho bà số tiền còn nợ. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc chị B, anh T phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền gốc còn nợ 85.000.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

\* Về lãi suất: Bà Thân Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do tại phiên tòa bà H, chị B, anh T vắng mặt nên không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên chị B, anh T phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí chị B, anh T phải chịu là: 85.000.000 đồng x 5% = 4.250.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 471; Điều 474; Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về nghĩa vụ trả nợ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị H. Buộc chị Trương Thị B, anh Triệu Đức T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Thân Thị H số tiền gốc là 85.000.000 đồng (Tám mươi năm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Án phí:

Chị Trương Thị B, anh Triệu Đức T phải liên đới chịu 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Thân Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0000297 ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

[3] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vân**













